

Giải quyết đúng đắn vấn đề dân tộc - cơ sở cho thắng lợi của Cách mạng tháng Tám và sự ra đời của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa

Nguyễn Văn Chung*

Nhận ngày 6 tháng 10 năm 2021. Chấp nhận đăng ngày 8 tháng 12 năm 2021.

Tóm tắt: Trong thời kỳ 1930 - 1945, Đảng Cộng sản Việt Nam (từ tháng 10/1930 đổi tên là Đảng Cộng sản Đông Dương) đã có nhận thức, quan điểm, chủ trương khác nhau trong việc giải quyết mối quan hệ giữa độc lập dân tộc với cách mạng ruộng đất, cũng như vấn đề dân tộc ở Việt Nam trong quan hệ giữa ba nước Đông Dương. Sự khác nhau này phản ánh tư duy, tầm nhìn, sự am hiểu thực tế của các chủ thể. Khi Nguyễn Ái Quốc về nước, trực tiếp lãnh đạo cách mạng Việt Nam, Đảng đã nhận thức và giải quyết một cách đúng đắn, thỏa đáng vấn đề này, tạo cơ sở, tiền đề cho thắng lợi của Cách mạng tháng Tám năm 1945 và sự ra đời của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa vào ngày 2/9/1945.

Từ khóa: Dân tộc, độc lập dân tộc, quốc gia dân tộc.

Phân loại ngành: Sử học

Abstract: From 1930 to 1945, the Communist Party of Vietnam (from October 1930, it was renamed as Indochinese Communist Party) had different perceptions, views, and policies in dealing with the relationship between national independence with the land revolution, as well as the national issue in Vietnam and the relationship between three Indochinese countries. This difference reflects thinking, vision, practical understanding of the subjects. When Nguyễn Ái Quốc returned to the country and directly led Vietnam's revolution, the Party was aware of, and addressed this issue adequately and satisfactorily, creating a base and premise for the victory of the August Revolution in 1945 and the birth of the Democratic Republic of Vietnam on 2 September 1945.

Keywords: Nation, national independence, nationalism.

Subject classification: History

* Tạp chí Cộng sản.
Email: nhantridungliem@gmail.com

1. Đặt vấn đề

Việt Nam là một quốc gia dân tộc được hình thành sớm trong lịch sử, có ý thức sâu sắc về chủ quyền quốc gia dân tộc, về tinh thần độc lập, tự do. Trải qua hàng nghìn năm dựng nước và giữ nước, các giá trị truyền thống đó đã trở thành nguồn sức mạnh to lớn để dân tộc Việt Nam chiến đấu và chiến thắng sự khắc nghiệt của thiên tai, địch họa, bảo vệ nền độc lập, chủ quyền và sự toàn vẹn lãnh thổ.

Giữa thế kỷ XIX, thực dân Pháp tiến hành xâm lược Việt Nam. Triều đình nhà Nguyễn vì lợi ích dòng họ và sự bực nhọc đã nhanh chóng đầu hàng. Từ một nước độc lập, có chủ quyền, Việt Nam trở thành thuộc địa của thực dân Pháp. Để dễ bề cai trị và tiến hành công cuộc khai thác thuộc địa, thực dân Pháp sử dụng chính sách chia rẽ dân tộc, chia rẽ lòng người, lập ra Liên bang Đông Dương, bao gồm Việt Nam, Lào và Campuchia, dưới sự cai quản của một viên toàn quyền người Pháp. Hành động của thực dân Pháp đã phá vỡ khối đoàn kết, thống nhất của dân tộc Việt Nam nói riêng, của nhân dân ba nước Đông Dương nói chung, gây ra sự phản kháng dân tộc mạnh mẽ trong nhân dân ba nước Đông Dương.

Mặc dù triều đình nhà Nguyễn sớm đầu hàng thực dân Pháp, nhưng các phong trào đấu tranh của nhân dân, với đủ mọi hình thức, mức độ diễn ra quyết liệt, khiến thực dân Pháp chịu nhiều tổn thất. Tuy các cuộc đấu tranh của nhân dân bị thực dân Pháp đàn áp, khủng bố đẫm máu, nhưng vẫn không sao khuất phục được lòng yêu nước, tinh thần dân tộc, ý chí độc lập, tự do luôn sôi sục trong mỗi người dân đất Việt, chỉ chờ dịp là bùng lên mãnh liệt.

Dưới tác động của chính sách khai thác thuộc địa của thực dân Pháp, bên cạnh giai cấp nông dân và địa chủ (những giai cấp truyền thống), xã hội Việt Nam đã xuất hiện các giai cấp, tầng lớp mới như: công nhân, tư sản, tiểu tư sản. Mỗi giai cấp có nguyện vọng, lợi ích, yêu cầu khác nhau, nhưng đều có điểm chung là chịu sự áp bức, bóc lột của thực dân Pháp, chịu nỗi nhục của một người dân mất nước, của một dân tộc mất độc lập, tự do. Mâu thuẫn chủ yếu nổi lên lúc này là mâu thuẫn giữa toàn thể dân tộc Việt Nam với thực dân Pháp xâm lược. Các mâu thuẫn khác, kể cả mâu thuẫn giữa nông dân với địa chủ đều phụ thuộc vào việc giải quyết mâu thuẫn chủ yếu này. Sự áp bức, thống trị của thực dân Pháp càng nặng nề, thì sự phản kháng dân tộc, ý chí chiến đấu vì độc lập, tự do của dân tộc Việt Nam càng mạnh mẽ. Yêu cầu bức thiết nhất của dân tộc Việt Nam lúc này chưa phải là ruộng đất cho nông dân, là đấu tranh giai cấp mà chính là đánh đổ ách thống trị của chủ nghĩa thực dân, giành độc lập dân tộc. Do vậy, thực chất của vấn đề dân tộc ở Việt Nam là đánh đổ ách xâm lăng của thực dân Pháp và tay sai, giành lại độc lập, tự do.

2. Nhận thức và chủ trương giải quyết vấn đề dân tộc của Đảng trong những năm 1930 - 1940

Kể từ khi Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời đầu năm 1930 đến trước khi Nguyễn Ái Quốc về nước, trong nội bộ Đảng đã có những nhận thức, quan điểm khác nhau trong việc giải quyết mối quan hệ giữa độc lập dân tộc với cách mạng ruộng đất, cũng như vấn đề dân tộc ở Việt Nam trong quan hệ giữa ba nước Đông Dương.

Dưới sự chủ trì của Nguyễn Ái Quốc, Hội nghị thành lập Đảng đầu năm 1930 đã thông qua các văn kiện quan trọng do lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc soạn thảo: *Chánh cương vắn tắt của Đảng, Sách lược vắn tắt của Đảng, Chương trình tóm tắt của Đảng, Điều lệ vắn tắt của Đảng Cộng sản Việt Nam*. Các văn kiện này hợp thành *Cương lĩnh chính trị đầu tiên* của Đảng. Cương lĩnh chủ trương làm “tư sản dân quyền cách mạng và thổ địa cách mạng để đi tới xã hội cộng sản (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2002, t.2, tr.2), nhấn mạnh nhiệm vụ giải phóng dân tộc, chủ trương đoàn kết, tập hợp lực lượng của tất cả các giai cấp, tầng lớp cho nhiệm vụ đánh đổ ách thống trị của thực dân Pháp và tay sai phản động, giành độc lập dân tộc. Cùng với đó là chủ trương giải quyết vấn đề độc lập dân tộc trong khuôn khổ nước Việt Nam: đặt tên Đảng là Đảng Cộng sản Việt Nam, chủ trương sau khi đánh đổ ách thống trị của thực dân Pháp và tay sai phản động sẽ thành lập một nhà nước Việt Nam độc lập, chủ trương thành lập một mặt trận phản đế. Chủ trương đó xuất phát từ đặc điểm chính trị, lịch sử, địa lý, văn hóa của Việt Nam, là sự vận dụng một cách sáng tạo nguyên lý của chủ nghĩa Mác - Lê-nin về vấn đề dân tộc, đặc biệt là từ tầm nhìn, nhãn quan chính trị vượt thời gian của Nguyễn Ái Quốc.

Tuy nhiên, những quan điểm và cách giải quyết vấn đề dân tộc của Nguyễn Ái Quốc và Hội nghị thành lập Đảng đầu năm 1930 đã bị phủ nhận tại Hội nghị Trung ương tháng 10/1930. Nguyên nhân được đưa ra là do trái với chủ trương và tinh thần chỉ đạo của Quốc tế Cộng sản¹. Vì lý do đó, Hội nghị Trung ương tháng 10/1930 quyết định “thủ tiêu chánh cương, sách lược và Điều lệ cũ của Đảng” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2002, t.2, tr.112) và chỉ rõ: phải dựa vào nghị quyết của Quốc tế Cộng sản, chính sách và kế hoạch của Đảng “làm căn bản mà chỉnh đốn nội bộ, làm cho Đảng Bônsovích hóa” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2002, t.2, tr.113). Luận cương chính trị của Đảng Cộng sản Đông Dương (Dự án đề thảo luận trong Đảng) ra đời trong điều kiện và bối cảnh lịch sử đó.

Khác với Chính cương vắn tắt, Sách lược vắn tắt, Luận cương chính trị tháng 10/1930 chủ trương giải quyết vấn đề dân tộc trong cả ba nước Đông Dương: đổi tên Đảng là Đảng Cộng sản Đông Dương, chủ trương sau khi đánh đổ ách thống trị của thực dân Pháp và tay sai phản động sẽ thành lập một chính phủ chung của cả ba nước Đông Dương, theo mô hình Liên bang Xô viết; chủ trương thành lập các tổ chức, đoàn thể, mặt trận chung cho các dân tộc Đông Dương.

Hội nghị Trung ương tháng 10/1930 không đặt nhiệm vụ giải phóng dân tộc lên hàng đầu như Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng, mà chủ trương giải quyết song song, đồng thời mối quan hệ giữa độc lập dân tộc và cách mạng ruộng đất. Luận cương cho rằng, nhiệm vụ cốt yếu của cách mạng là “một mặt tranh đấu để đánh đổ các di tích phong kiến, đánh đổ các cách bóc lột theo lối tiền tư bản và để thực hành thổ địa cách mạng cho triệt để, một mặt nữa là tranh đấu để đánh đổ đế quốc chủ nghĩa Pháp, làm cho Đông Dương hoàn toàn độc lập.

¹ Trong các văn kiện Quốc tế Cộng sản gửi cho những người cộng sản Đông Dương, đặc biệt là trong tài liệu *Về việc thành lập một Đảng Cộng sản ở Đông Dương* ngày 27 tháng 10 năm 1929, Quốc tế Cộng sản đã yêu cầu phải thành lập ngay một Đảng Cộng sản: “Đảng đó phải chỉ có một và là tổ chức cộng sản duy nhất ở Đông Dương” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2002, t.1, tr.164).

Hai mặt tranh đấu đó liên quan mật thiết với nhau, vì có đánh đổ đế quốc chủ nghĩa mới phá tan được cái giai cấp địa chủ và làm cách mạng thổ địa được thắng lợi; mà có phá tan chế độ phong kiến thì mới đánh đổ được đế quốc chủ nghĩa” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2002, t.2, tr.98). Thậm chí, Luận cương còn nhấn mạnh “vấn đề thổ địa là cái cốt của cuộc cách mạng tư sản dân quyền” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2002, t.2, tr.101).

Cũng sau Hội nghị Trung ương tháng 10/1930, do có những quan điểm trái ngược với tinh thần chỉ đạo của Quốc tế Cộng sản, đặc biệt là trong việc đặt tên Đảng và chủ trương đoàn kết, tập hợp địa chủ, tư sản, tiểu tư sản vào hàng ngũ cách mạng tại Hội nghị thành lập Đảng, nên trong một thời gian dài Nguyễn Ái Quốc đã chịu sự phê phán, chỉ trích nặng nề của Quốc tế Cộng sản và các đồng chí lãnh đạo Đảng Cộng sản Đông Dương. Quốc tế Cộng sản cho rằng, Nguyễn Ái Quốc là người hẹp hòi, dân tộc chủ nghĩa. Còn Hà Huy Tập, trong nhiều bài viết của mình, bên cạnh việc đánh giá cao công lao của Nguyễn Ái Quốc trong việc thành lập Đảng, lại dùng nhiều lời lẽ gay gắt để phê phán Người và cho rằng “đồng chí đã phạm một sai lầm cơ hội chủ nghĩa trong thời gian Hội nghị hợp nhất mà chúng ta không thể bỏ qua” (*Hà Huy Tập - một số tác phẩm*, 2006, tr.262); “Cương lĩnh của Hội nghị hợp nhất là trái ngược với học thuyết Lêninnit, với đường lối chính trị của Quốc tế Cộng sản” (*Hà Huy Tập - một số tác phẩm*, 2006, tr.261). Vì những đánh giá và phê phán đó mà trong một thời gian dài, Nguyễn Ái Quốc “đã phải sống quá lâu trong tình trạng không hoạt động và giống như là sống ở bên cạnh, ở bên ngoài của Đảng” (Hồ Chí Minh, 2011, t.3, tr.117).

Sự khác nhau trong việc nhận thức và giải quyết mối quan hệ giữa độc lập dân tộc và cách mạng ruộng đất cũng như vấn đề độc lập dân tộc của Việt Nam trong quan hệ giữa ba nước Đông Dương là một thực tế lịch sử, nó có ảnh hưởng không nhỏ đến chiều hướng phát triển của cách mạng Việt Nam và việc tập hợp, đoàn kết các lực lượng, giai cấp trong giai đoạn này. Tuy nhiên, kể từ Đại hội VII Quốc tế Cộng sản tháng 7/1935, Đảng Cộng sản Đông Dương đã có những nhận thức và điều chỉnh trong việc giải quyết vấn đề này.

Hai văn kiện đánh dấu sự chuyển biến của Đảng trong việc nhận thức và giải quyết mối quan hệ giữa độc lập dân tộc và cách mạng ruộng đất là Chỉ thị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương, được thông qua trong Hội nghị Ban chỉ huy ở ngoài ngày 27/6/1936 và đặc biệt là trong văn kiện *Chung quanh vấn đề chiến sách mới* ngày 30 tháng 10 năm 1936. Ở các văn kiện này, Trung ương cho rằng, “ở một xứ thuộc địa như Đông Dương, trong hoàn cảnh hiện tại, nếu chỉ quan tâm đến sự phát triển của cuộc đấu tranh giai cấp có thể sẽ nảy sinh những khó khăn để mở rộng phong trào giải phóng dân tộc” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2002, t.6, tr.74). Do vậy, “cuộc dân tộc giải phóng không nhất định phải kết hợp chặt chẽ với cuộc cách mạng điền địa. Nghĩa là không thể nói rằng: muốn đánh đổ đế quốc cần phải phát triển cuộc cách mạng điền địa, muốn giải quyết vấn đề điền địa, cần phải đánh đổ đế quốc. Lý thuyết ấy có chỗ không xác đáng” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2002, t.6, tr.152). Đây có thể coi là sự phát triển trong tư duy của Đảng, bắt nguồn từ thực tiễn Việt Nam và sự vận dụng một cách sáng tạo quan điểm chỉ đạo của Quốc tế Cộng sản.

Nói đến sự chuyển biến trong nhận thức của Đảng xung quanh việc giải quyết mối quan hệ giữa độc lập dân tộc và cách mạng ruộng đất sẽ là thiếu sót lớn nếu không đề cập đến Hội nghị Trung ương tháng 11/1939, dưới sự chủ trì của Nguyễn Văn Cừ. Hội nghị này được coi là sự khởi đầu cho quá trình thay đổi chiến lược của Đảng. Nếu như trước đây, trong cuộc cách mạng tư sản dân quyền, Đảng xác định hai nhiệm vụ: chống đế quốc và chống phong kiến có vị trí, vai trò như nhau, tác động qua lại lẫn nhau, thì ở Hội nghị Trung ương này, Đảng chủ trương thay đổi chiến lược cho phù hợp với tình hình, đó là chỉ thực hiện một nhiệm vụ duy nhất là đánh đổ ách áp bức, bóc lột của đế quốc, thực dân giải phóng dân tộc. Vì thế, “đứng trên lập trường giải phóng dân tộc, lấy quyền lợi dân tộc làm tối cao, tất cả mọi vấn đề của cuộc cách mạng, cả vấn đề điền địa cũng phải nhằm vào cái mục đích ấy mà giải quyết” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2002, t.6, tr.539).

Cũng tại Hội nghị này, Trung ương đã có những nhận thức mới trong việc giải quyết vấn đề dân tộc trong quan hệ giữa ba nước Đông Dương: “Một mặt, các dân tộc Đông Dương đoàn kết thống nhất đánh đổ đế quốc Pháp đòi Đông Dương hoàn toàn độc lập và các dân tộc được quyền tự quyết; một mặt nữa là phong trào dân tộc giải phóng ở Đông Dương phải liên hệ khăng khít với cách mạng thế giới (là một bộ phận của vô sản cách mạng thế giới) để đánh đổ kẻ thù chung là tư bản đế quốc và xây dựng một thế giới không có dân tộc bị áp bức, không có ranh giới quốc gia và chia rẽ dân tộc, nghĩa là thế giới cộng sản” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2002, t.6, tr.532). Để cách mạng đi đến thành công, nhân dân Đông Dương cần đoàn kết thành một khối bền chặt và phải dựa vào nhau. Tuy nhiên, “sự liên hiệp các dân tộc Đông Dương không nhất thiết bắt buộc các dân tộc phải thành lập một quốc gia duy nhất vì các dân tộc như Việt Nam, Miên, Lào xưa nay vẫn có sự độc lập. Mỗi dân tộc có quyền giải quyết vận mệnh theo ý muốn của mình, song sự tự quyết cũng không nhất định nghĩa là rời hẳn nhau ra” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2002, t.6, tr.541-542). Có thể coi quan điểm này là một bước phát triển mới kể từ Hội nghị Trung ương tháng 10/1930. Theo đánh giá của Trần Văn Giàu, “tư duy chính trị này bắt đầu mở ra một thời kỳ mới trong quan hệ giữa ba dân tộc Việt, Miên, Lào. Một lần cần lớn bắt đầu được giải quyết về tư tưởng, đường lối cách mạng” (Trần Văn Giàu, 1997, t.3, tr.459). Đây có thể coi là bước khởi đầu cho quyết định giải quyết vấn đề dân tộc trong khuôn khổ từng nước Đông Dương ở Hội nghị lần thứ 8 Ban Chấp hành Trung ương tháng 5/1941.

Tuy nhiên, chỉ một năm sau, tại Hội nghị Trung ương tháng 11/1940, Trung ương Đảng lại trở về với chủ trương giải quyết cùng lúc, đồng thời vấn đề dân tộc và giai cấp, không đặt nhiệm vụ giải phóng dân tộc lên hàng đầu: “Có một số đồng chí và quần chúng tưởng rằng lúc này cuộc cách mạng Đông Dương chỉ có tính chất cách mạng dân tộc giải phóng, thậm chí có nơi các đồng chí bỏ rơi nhiệm vụ thổ địa, sợ rằng nêu khẩu hiệu ấy ra sẽ có hại cho việc tập hợp các lực lượng phản đế thành: Mặt trận dân tộc thống nhất phản đế” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2002, t.7, tr.65); “Cách mạng phản đế và cách mạng thổ địa phải đồng thời tiến, không thể cái làm trước, cái làm sau” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2002, t.7, tr.68). Hội nghị nhấn mạnh, “mặc dù lúc này khẩu hiệu cách mạng phản đế, cách mạng giải phóng dân tộc cao hơn và thiết thực hơn, song nếu không làm được cách mạng thổ địa thì cách mạng phản đế khó thành công. Tình thế hiện tại không thay đổi gì tính chất cơ bản của cuộc cách mạng tư sản dân quyền Đông Dương” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2002, t.7, tr.68).

Như vậy, từ Hội nghị thành lập Đảng đầu năm 1930 cho đến Hội nghị Trung ương tháng 11/1940, trong nội bộ Đảng đã tồn tại những nhận thức, quan điểm khác nhau xung quanh việc giải quyết mối quan hệ giữa vấn đề độc lập dân tộc với cách mạng ruộng đất, vấn đề độc lập dân tộc của Việt Nam trong quan hệ giữa ba nước Đông Dương. Sự khác nhau trong chủ trương và cách giải quyết vấn đề dân tộc của Đảng phản ánh nhận thức, tâm nhìn, mức độ am hiểu thực tế của các chủ thể. Trong khi Nguyễn Ái Quốc xuất phát từ đặc điểm lịch sử, chính trị, văn hóa của dân tộc Việt Nam, vận dụng sáng tạo quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lê-nin về vấn đề dân tộc để xác định nhiệm vụ, mục tiêu, chiến lược của cách mạng Việt Nam, thì Quốc tế Cộng sản vì không hiểu biết đầy đủ tình hình ở các nước thuộc địa, lại đề cao quá mức mô hình nhà nước Xô viết, nên có nhiều chỉ đạo không sát với tình hình thực tế Việt Nam. Chỉ đến khi Nguyễn Ái Quốc về nước trực tiếp lãnh đạo cách mạng, Đảng mới đi đến một quyết định dứt khoát trong việc giải quyết vấn đề dân tộc.

3. Quyết định thay đổi chiến lược cách mạng - cơ sở cho thắng lợi của Cách mạng tháng Tám

Ngày 28/1/1941, sau 30 năm hoạt động ở nước ngoài, Nguyễn Ái Quốc về nước trực tiếp lãnh đạo cách mạng nước ta. Sự xuất hiện đúng lúc của Người đã tạo bước ngoặt lịch sử cho cách mạng Việt Nam.

Hơn 3 tháng sau khi về nước, tháng 5/1941, Nguyễn Ái Quốc chủ trì Hội nghị Trung ương lần thứ 8 để quyết định chủ trương, đường lối và dự kiến tương lai của dân tộc khi cách mạng thành công. Dưới sự chủ trì của Người, Ban Chấp hành Trung ương đã đi đến quyết định thay đổi chiến lược cách mạng, đặt nhiệm vụ giải phóng dân tộc lên hàng đầu, tạm gác khẩu hiệu cách mạng ruộng đất. Hội nghị nhấn mạnh: “Trong lúc này quyền lợi của bộ phận, của giai cấp phải đặt dưới sự sinh tử, tồn vong của quốc gia, dân tộc. Trong lúc này, nếu không giải quyết được vấn đề dân tộc giải phóng, không đòi được độc lập, tự do cho toàn thể dân tộc, thì chẳng những toàn thể quốc gia, dân tộc còn chịu mãi kiếp ngựa trâu mà quyền lợi của bộ phận, giai cấp đến vạn năm cũng không đòi lại được” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2002, t.7, tr.113).

Quyết định thay đổi chiến lược cách mạng, đặt nhiệm vụ giải phóng dân tộc lên hàng đầu không có nghĩa là Đảng từ bỏ nhiệm vụ cách mạng ruộng đất, đấu tranh giai cấp, mà là đề tập trung giải quyết cho nhiệm vụ cấp bách nhất của cách mạng là giải phóng dân tộc. Lý giải về vấn đề này, Hội nghị cho rằng “không phải giai cấp vô sản Đông Dương bỏ mất nhiệm vụ điền địa đi đâu, cũng không phải đi lùi lại một bước, mà chỉ bước một bước ngắn hơn để có sức mà bước một bước dài hơn” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2002, t.7, tr.119). Và “chưa cải cách ruộng đất, nhưng không phải vì thế mà người nông dân giảm bớt tinh thần đấu tranh của mình, vì giải phóng dân tộc họ sẽ thoát khỏi ách áp bức nặng nề, nhất là của đế quốc Nhật - Pháp, họ cũng được hưởng các quyền lợi kinh tế, chính trị chung mà toàn thể nhân dân được hưởng, được chia ruộng đất của đế quốc và Việt gian phản động... Và lại, bản thân họ không chỉ là người nông dân khao khát ruộng cày, mà lúc này, cao hơn hết, họ là người dân mất nước khát khao độc lập, tự do” (Minh Tranh, 1963, tr.88-104).

Quyết định thay đổi chiến lược cách mạng, đặt nhiệm vụ giải phóng dân tộc lên hàng đầu, giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa độc lập dân tộc và cách mạng ruộng đất ở Hội nghị Trung ương tháng 5/1941 là một quyết định sáng suốt, đáp ứng được nguyện vọng của toàn thể dân tộc Việt Nam. Đó là sự thống nhất giữa tư tưởng Hồ Chí Minh với chủ trương, đường lối của Đảng, là sự trở lại với tư tưởng độc lập, tự do của Hội nghị thành lập Đảng; thể hiện tư duy nhạy bén, tầm nhìn của Đảng trước bước ngoặt của thời cuộc; tạo cơ sở để tập hợp, đoàn kết lực lượng toàn dân tộc cho nhiệm vụ đánh Pháp, đuổi Nhật, giải phóng dân tộc Việt Nam.

Một quyết định quan trọng khác của Hội nghị Trung ương tháng 5/1941, đó là thực hiện quyền dân tộc tự quyết đối với các dân tộc Đông Dương: “Nói đến vấn đề dân tộc tức là đã nói đến sự tự do, độc lập của mỗi dân tộc tùy theo ý muốn của mỗi dân tộc. Nói như thế nghĩa là sau lúc đánh đuổi Pháp - Nhật, ta phải thi hành đúng chính sách “dân tộc tự quyết” cho dân tộc Đông Dương. Các dân tộc Đông Dương sẽ tùy theo ý muốn, tổ chức thành liên bang cộng hòa dân chủ hay đứng riêng thành một dân tộc quốc gia tùy ý. Một chính phủ cộng hòa mạnh hơn không có quyền bắt các dân tộc nhỏ yếu tuân theo chính sách mình và tham gia chính phủ mình... Văn hóa của mỗi dân tộc sẽ được tự do phát triển, tồn tại, tiếng mẹ đẻ của các dân tộc sẽ được tự do phát triển, tồn tại và được bảo đảm. Sự tự do của các dân tộc sẽ được thừa nhận và coi trọng” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2002, t.7, tr.113).

Đối với dân tộc Việt Nam, Hội nghị Trung ương tháng 5/1941 quyết định, sau khi đánh đổ ách thống trị của thực dân Pháp và tay sai phản động sẽ thành lập một nước Việt Nam dân chủ mới. “Chính phủ cách mạng của nước dân chủ mới ấy không phải thuộc quyền riêng của một dân tộc nào mà là của chung toàn thể dân tộc, chỉ trừ bọn tay sai của đế quốc Pháp - Nhật và những bọn phản quốc, những bọn cừu thù, không được giữ chính quyền, còn ai là người dân sống trên dải đất Việt Nam thầy đều được một phần nhiệm vụ giữ lấy và bảo vệ chính quyền ấy” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2002, t.7, tr.114). Hội nghị cũng khẳng định nghĩa vụ của dân tộc Việt Nam đối với dân tộc Miên, Lào là “phải dìu dắt giúp đỡ trong bước đường tranh đấu tự do độc lập” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2002, t.7, tr.114).

Nêu cao quyền dân tộc tự quyết, đánh thức tinh thần dân tộc trong nhân dân mỗi nước Đông Dương, Hội nghị Trung ương tháng 5/1941 quyết định không tiếp tục chủ trương thực hiện mặt trận chung cho cả ba nước Đông Dương, mà sẽ thành lập ở mỗi nước một mặt trận riêng. Ở Việt Nam sẽ thành lập Mặt trận Việt Nam độc lập đồng minh (Mặt trận Việt Minh) nhằm tập hợp, đoàn kết tất cả các giai cấp, dân tộc, đảng phái, tôn giáo. Đánh giá về ý nghĩa thành lập Mặt trận Việt Minh, Trần Văn Giàu cho rằng, “lập mặt trận dân tộc Việt Nam (Việt Nam độc lập đồng minh) hàm cái ý nghĩa là dân tộc Miên, dân tộc Lào cũng sẽ phải có Mặt trận cho dân tộc mình. Đông Dương phải được xem là chiến trường, không nên xem là một quốc gia... Nguyễn Ái Quốc chủ trương tổ chức Việt Nam độc lập đồng minh là chủ trương tiên hậu như nhất, logic với chủ trương Việt Nam cộng sản đảng hội đầu năm 1930. Đó là cụ thể hóa, “thể chế hóa” đường lối chính trị, đặt vấn đề giải phóng “dân tộc trước hết”, “tổ quốc trên hết”. Không có gì là tư tưởng dân tộc hẹp hòi ở đó cả” (Trần Văn Giàu, 1997, t.3, tr.491-492). Đó cũng là sự khẳng định trong thực tế

những tư tưởng đúng đắn và sáng tạo của Hồ Chí Minh về vấn đề này, một vấn đề mà có lúc diễn ra những tranh luận gay gắt trong nội bộ những người cộng sản Việt Nam trong những năm 30 của thế kỷ XX.

Chủ trương thành lập Mặt trận Việt Minh không có nghĩa là Đảng bỏ quên nhiệm vụ giúp đỡ, đoàn kết với nhân dân hai nước Lào và Campuchia, mà qua đó còn đánh thức tinh thần dân tộc, tính chủ động, sáng tạo của nhân dân mỗi nước trong cuộc cách mạng giải phóng dân tộc. Nghị quyết Hội nghị chủ trương sẽ giúp đỡ nhân dân hai nước thành lập Ai Lao độc lập đồng minh và Cao Miên độc lập đồng minh, tiến tới thành lập Đông Dương độc lập đồng minh - hình thức mặt trận chung cho nhân dân ba nước Đông Dương.

Sau Hội nghị Trung ương tháng 5/1941, Đảng Cộng sản Đông Dương và lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc tiếp tục có nhiều chỉ đạo nhằm cụ thể hóa quyết định thay đổi chiến lược cách mạng, giành độc lập, tự do cho toàn thể dân tộc, thể hiện qua các văn kiện, như: *Kính cáo đồng bào* ngày 6 tháng 6 năm 1941; *Nghị quyết của Hội nghị cán bộ toàn xứ Bắc Kỳ* ngày 25, 26, 27 tháng 9 năm 1941; *Chỉ thị về công tác* ngày 1 tháng 12 năm 1941; *Cuộc chiến tranh Thái Bình Dương và trách nhiệm cần kíp của Đảng* ngày 21 tháng 12 năm 1941; *Nghị quyết của Ban Thường vụ Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương* ngày 25 đến 28 tháng 2 năm 1943; *Nhật - Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta* ngày 12 tháng 3 năm 1945; *Nghị quyết của toàn quốc hội nghị Đảng Cộng sản Đông Dương* ngày 14, 15 tháng 8 năm 1945... Các văn kiện này chủ trương tập hợp, đoàn kết các giai cấp, tầng lớp nhằm đánh đổ ách xâm lược của thực dân, phát xít Pháp - Nhật, giải phóng các dân tộc Đông Dương; ủng hộ Campuchia, Lào được độc lập và thống nhất; chủ trương chuẩn bị khởi nghĩa vũ trang; củng cố Đảng về mọi phương diện... Đảng chủ trương đề ra các bước đi cụ thể cho việc ra đời của một nhà nước Việt Nam độc lập, thống nhất. Cụ thể, Đảng thành lập Ủy ban dân tộc giải phóng ở các nhà máy, mỏ, làng, ấp, đường phố, trại lính” và đặc biệt là “thành lập “Ủy ban nhân dân cách mạng Việt Nam” theo hình thức một Chính phủ lâm thời cách mạng Việt Nam, triệu tập quốc dân lập pháp để quy định chính thể và hình pháp quốc gia; ban bố các quyền tự do dân chủ; toàn xá và trọng dụng chính trị phạm; đặt quốc ca và định dấu hiệu cho quốc gia Việt Nam...

Sau khi Nhật đầu hàng Đồng Minh, thời cơ nghìn năm có một đã đến, dưới sự lãnh đạo của Đảng và Hồ Chí Minh, chỉ trong vòng hai tuần lễ (từ ngày 14 đến 28/8/1945), các địa phương trong cả nước đã nổi dậy khởi nghĩa giành chính quyền, đánh đổ ách thống trị của thực dân, phát xít, giành độc lập, tự do cho toàn thể dân tộc. Thắng lợi của Cách mạng tháng Tám năm 1945 và sự ra đời của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ngày 2/9/1945 do nhiều nguyên nhân, trong đó có quyết định thay đổi chiến lược cách mạng, đặt nhiệm vụ giải phóng dân tộc lên hàng đầu, giải quyết vấn đề độc lập dân tộc trong khuôn khổ từng nước Đông Dương:

Thứ nhất, quyết định thay đổi chiến lược cách mạng, đặt nhiệm vụ giải phóng dân tộc lên hàng đầu của Hội nghị Trung ương tháng 5/1941 phản ánh đúng nhiệm vụ quan trọng, cấp bách nhất và khát vọng của cả dân tộc là đánh đổ ách áp bức, thống trị của phát xít, thực dân Nhật - Pháp, giành độc lập, tự do. Vì thế, sau khi Nhật đầu hàng Đồng Minh, theo lời kêu gọi của Đảng và Mặt trận Việt Minh, các giai cấp, tầng lớp nhân dân trong cả nước

đã nổi dậy khởi nghĩa giành chính quyền, tạo thành một phong trào cách mạng rộng lớn, sức mạnh vô địch, chỉ trong một thời gian rất ngắn, Cách mạng tháng Tám đã thành công nhanh, gọn, ít đổ máu.

Thứ hai, chủ trương giải quyết vấn đề độc lập dân tộc trong khuôn khổ từng nước Đông Dương đã thức tỉnh ý thức, tinh thần dân tộc trong nhân dân mỗi nước Đông Dương. Nếu như trước đây, Đảng chủ trương giải quyết vấn đề dân tộc trong cả ba nước Đông Dương: thành lập nhà nước chung, một mặt trận chung, thì từ Hội nghị Trung ương tháng 5/1941, Đảng chủ trương giải quyết vấn đề dân tộc trong từng nước. Mỗi nước, muốn giành được độc lập, tự do phải dựa vào thực lực của mình là chính, không thể trông chờ vào dân tộc khác. Theo Hồ Chí Minh, một dân tộc không tự lực cánh sinh mà cứ ngồi chờ dân tộc khác giúp đỡ thì không xứng đáng được độc lập. Do vậy, chủ trương của Đảng và Hồ Chí Minh đã đánh thức chủ nghĩa yêu nước, tinh thần dân tộc, ý thức độc lập, tự do, tinh thần tự lực, tự cường của ba dân tộc Đông Dương. Chủ trương đó cũng đập tan âm mưu, luận điệu xuyên tạc của chủ nghĩa thực dân, những phần tử phản động, dân tộc cực đoan ở các nước Campuchia, Lào và cho rằng, dân tộc Việt Nam muốn thôn tính Lào, Campuchia bằng cách lập một nhà nước chung cho các dân tộc Đông Dương.

Thứ ba, quyết định giải quyết vấn đề dân tộc trong khuôn khổ mỗi nước Đông Dương là cơ sở cho sự ra đời của nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, nhà nước Lào và Campuchia độc lập. Khi Trung ương Đảng chủ trương, sau khi đánh đổ ách thống trị của thực dân, phát xít Pháp - Nhật sẽ thành lập một Nhà nước Việt Nam độc lập là việc khẳng định khát vọng độc lập, tự do của dân tộc Việt Nam, một dân tộc có ý thức sâu sắc về lịch sử, chủ quyền lãnh thổ, truyền thống văn hóa. Do vậy, song song với quá trình chuẩn bị khởi nghĩa giành chính quyền, Đảng và Hồ Chí Minh đã chuẩn bị các điều kiện cho sự ra đời của Nhà nước Việt Nam độc lập vào ngày 2/9/1945.

Thứ tư, quyết định giải quyết vấn đề dân tộc trong khuôn khổ từng nước Đông Dương là thể hiện tư tưởng Hồ Chí Minh - một tư tưởng nhất quán trong chủ trương, đường lối, trong các tổ chức do Người sáng lập từ những năm 20 của thế kỷ XX. Hồ Chí Minh chỉ có một ham muốn tột bậc, đó là đất nước được hoàn toàn độc lập, nhân dân được hoàn toàn tự do, đồng bào ai cũng có cơm ăn, áo mặc, ai cũng được học hành. Chính vì tư tưởng đó, mà tại Hội nghị Trung ương tháng 5/1941, Đảng đã nêu cao tinh thần độc lập dân tộc, chủ trương thực hiện quyền dân tộc tự quyết đối với Lào và Campuchia.

4. Kết luận

Có thể nói, quyết định giải quyết mối quan hệ giữa vấn đề độc lập dân tộc với cách mạng ruộng đất cũng như vấn đề dân tộc ở Việt Nam trong quan hệ giữa ba nước Đông Dương của Hội nghị lần thứ 8 Ban Chấp hành Trung ương tháng 5/1941 có ý nghĩa lịch sử. Để đi đến quyết định dứt khoát đó, trong nội bộ Đảng đã trải qua một quá trình đấu tranh gay gắt, với một bên là quan điểm đặt nhiệm vụ giải phóng dân tộc lên hàng đầu, giải quyết vấn đề độc lập dân tộc trong khuôn khổ nước Việt Nam của Nguyễn Ái Quốc và một bên là quan điểm nhấn mạnh đấu tranh giai cấp, giải quyết vấn đề dân tộc trong cả ba nước

Đông Dương của Quốc tế Cộng sản. Thực tiễn là tiêu chuẩn của chân lý. Chủ trương đặt nhiệm vụ giải phóng dân tộc lên hàng đầu, thực hiện quyền dân tộc tự quyết của Nguyễn Ái Quốc đã phản ánh đúng tính chất, đặc điểm chính trị, lịch sử, văn hóa Việt Nam, là sự vận dụng và phát triển sáng tạo nguyên lý của chủ nghĩa Mác - Lê-nin về vấn đề dân tộc vào thực tiễn Việt Nam, khẳng định tầm nhìn vượt thời đại của Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh; đập tan âm mưu xuyên tạc, gây chia rẽ khối đoàn kết giữa các dân tộc Đông Dương. Chủ trương đó đã phát huy cao nhất tinh thần độc lập, tự chủ, sáng tạo của cách mạng mỗi nước; thắt chặt tình đoàn kết, liên minh chiến đấu giữa ba nước Đông Dương, tạo cơ sở, tiền đề cho thắng lợi của Cách mạng tháng Tám và sự ra đời của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

Tài liệu tham khảo

1. Đảng Cộng sản Việt Nam (2002), *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
2. *Hà Huy Tập - một số tác phẩm*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, 2006, Hà Nội.
3. *Hồ Chí Minh toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, 2011, Hà Nội.
4. Trần Văn Giàu (1997), *Sự phát triển của tư tưởng ở Việt Nam từ cuối thế kỷ XIX đến Cách mạng tháng Tám*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
5. Minh Tranh (1963), “Vấn đề dân tộc và Cách mạng tháng Tám”, in trong *Tìm hiểu tính chất và đặc điểm của Cách mạng tháng Tám*, Nxb Sự thật, Hà Nội.